

Bản án số: 76/2020/DS-PT
Ngày: 30 - 11 - 2020
V/v “Tranh chấp về
thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường và bà Trần Thị Thiên Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:* Bà Võ Thị Phương Linh

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLPT-DS ngày 18/02/2020, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2020/QĐ-PT ngày 27/5/2020; Quyết định tạm đình chỉ số 05/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 24/2020/QĐ-PT ngày 03/11/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2020/QĐ-PT ngày 09/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn M - Sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 02, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H - Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị H - Sinh năm 1955; Địa chỉ: 402/40 đường X, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Lê Thị Ánh Ng - Sinh năm 1959; Địa chỉ: Số G đường Đ, Bến Vân Đồn, Phường C, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh;

3. Ông Lê Văn H - Sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố P, tỉnh

Bình Thuận;

4. Ông Lê Văn B - Sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận;

5. Ông Lê Văn H - Sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

6. Bà Lê Thị G - Sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

7. Ông Đặng Xuân M - Sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố Y, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

8. Bà Đặng Thị Thu H - Sinh năm 1952; Địa chỉ: Khu phố 02, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

9. Bà Đặng Thị N - Sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận;

10. Bà Đặng Thị Thu T- Sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố 01, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G:
Bà Phan Thị L - Sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn H, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (theo giấy ủy quyền ngày 06/8/2018).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự có mặt đầy đủ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 6 năm 2018 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Lê Văn M trình bày:

Về quan hệ gia đình: Cha ông là ông Lê Văn G, sinh năm 1931, mất năm 2015; mẹ ông là bà Lê Thị M, sinh năm 1930, mất năm 1972. Ông Lê Văn G, và bà Lê Thị M chung sống với nhau có 05 người con chung, gồm: Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị Ánh Ng, Lê Văn H, Lê Văn B. Năm 1965 cha ông chung sống với bà Nguyễn Thị Ê và sinh được 03 con chung, gồm: Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G.

Về nguồn gốc thửa đất yêu cầu chia di sản thừa kế: Lúc còn sống, cha ông là ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê có tạo lập khối di sản là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Năm 2004 bà Ê chết. Năm 2007 ông Lê Văn G được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AF 372925 ngày 13/3/2007 đứng tên chủ sử dụng đất là ông Lê Văn G. Vào năm 2009 ông G có làm bản di chúc để lại tài sản của ông là 12.190,6m² đất trên cho 08 người con là Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị Ánh Ng, Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G. Di

chức được làm có công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận.

Năm 2015 ông Lê Văn G chết. Năm 2018 ông đứng ra công bố di chúc của cha là ông Lê Văn G nhưng một số anh em không đồng ý phân chia tài sản theo di chúc. Vì vậy nay làm đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo di chúc ông G để lại và yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là đất. Các tài sản trên đất ông không yêu cầu phân chia. Đối với căn nhà trên đất hiện nay làm nơi thờ cúng ba mẹ thì ông đồng ý để lại căn nhà đó cho người có công quản lý gìn giữ di sản. Đối với căn nhà mà ông H xây thì ông đồng ý căn nhà đó thuộc quyền sở hữu của ông H, ông không tranh chấp.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Về quan hệ gia đình: Cha ông tên Lê Văn G, sinh năm 1931, mất năm 2015; mẹ ông tên Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1933, mất năm 2004. Cha mẹ ông chung sống với nhau vào năm 1965 có 03 con chung là Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G. Trước khi cha ông chung sống với mẹ ông thì cha ông chung sống với bà Lê Thị M có 05 người con riêng là Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị Ánh Ng, Lê Văn H, Lê Văn B. Trước khi chung sống với cha ông thì mẹ ông cũng chung sống với ông Đặng Văn Thành và có 4 con riêng là Đặng Thị Thu H, Đặng Xuân M, Đặng Thị Thu T, Đặng Thị N.

Về nguồn gốc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 mà hiện nay đang đứng tên cha ông Lê Văn G có nguồn gốc từ đời ông bà ngoại ông là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N để lại cho ông Đặng Xuân Th và mẹ ông là bà Nguyễn Thị Ê trực tiếp quản lý và canh tác. Ông Th đã tham gia cách mạng và mất năm 1962 vì vậy thửa đất trên là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Ê. Năm 2004 ông G tự ý kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bà Nguyễn Thị Ê chết mà không có ý kiến của 04 người con riêng của bà Ê và 03 con chung. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Lê Văn G là không đúng pháp luật. Do đó, bản di chúc do ông Lê Văn G làm và được công chứng là không đúng pháp luật.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/200752 mà hiện nay đang đứng tên cha ông là Lê Văn G theo di chúc của ông G ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét lại

bản di chúc của ông G được công chứng ngày 01/4/2009, xem xét lại biên bản họp phân chia tài sản ngày 19/5/2018 và yêu cầu chia di sản thừa kế của Ông Th và bà Ê theo quy định pháp luật, đồng thời đề nghị tính công sức quản lý, bảo quản di sản cho ông vì căn nhà hiện nay dành để thờ cúng ông bà cha mẹ cũng là tiền của vợ chồng ông bỏ ra xây dựng, ông là người có công chăm sóc ba mẹ và lo ma chay mai táng thờ cúng ông bà cha mẹ. Còn tòa án quyết bao nhiêu thì ông chấp nhận bấy nhiêu. Ông yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là đất, còn tài sản trên đất ông không yêu cầu phân chia. Nếu Tòa án phân chia đất cho ai mà trên đất có cây cối hoặc tài sản gì trên đất thì người đó được hưởng.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn H còn có ý kiến đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn G do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G là không đúng đối tượng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Ông Lê Văn M là yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/3/2007 mà hiện nay đang đứng tên ông Lê Văn G, theo di chúc ông G để lại là chia đều cho 08 người con gồm Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị Ánh Nguyệt, Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G và yêu cầu được nhận hiện vật là đất. Tài sản trên đất không yêu cầu phân chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G, ông Lê Văn H và người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị L trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Lê Văn H là không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 mà hiện nay đang đứng tên cha ông bà là Lê Văn G theo di chúc của ông G để lại. Đề nghị Tòa án xem xét lại bản di chúc được công chứng ngày 01/4/2009, xem xét lại biên bản họp phân chia tài sản ngày 19/5/2018 và yêu cầu chia di sản thừa kế của Ông Th và bà Ê theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà Lê Thị G còn có ý kiến là không tính công sức quản lý, gìn giữ di sản đối với bà mà đề nghị tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông H vì ông H là người canh tác trên đất cũng như có công chăm sóc ba mẹ và lo ma chay mai táng thờ cúng ông bà cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N trình bày:

Về quan hệ gia đình: Cha của ông bà tên Đặng Xuân Th, sinh năm 1933, mất năm 1961; mẹ ông bà tên Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1933, mất năm 2004. Cha mẹ ông bà chung sống với nhau sinh được 04 con chung là Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N. Năm 1965 mẹ của ông bà chung sống với ông Lê Văn G và sinh được 03 người con chung là Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G.

Về nguồn gốc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 có nguồn gốc từ đời ông bà ngoại ông là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N để lại cho cha ông bà Đặng Xuân Th và mẹ ông là bà Nguyễn Thị Ê trực tiếp quản lý và canh tác. Ông Th đã tham gia cách mạng và mất năm 1962, vì vậy thửa đất trên là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Ê. Năm 2004 ông G tự ý kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bà Nguyễn Thị Ê chết mà không có ý kiến của 04 người con riêng của bà Ê và 3 người con chung vì vậy UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Lê Văn G là không đúng pháp luật. Vì vậy bản di chúc do ông Lê Văn G làm và được công chứng là không đúng pháp luật.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29, có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo di chúc của ông Lê Văn G để lại, ông bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét lại quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông G có đúng đối tượng và đúng trình tự pháp luật không, xem xét lại bản di chúc được công chứng ngày 01/4/2009 vì ông G không có quyền quyết định đối với tài sản này. Đề nghị phân chia di sản này theo quy định pháp luật và yêu cầu nhận hiện vật là đất, tài sản trên đất không yêu cầu phân chia. Ông bà đồng ý tính công sức đóng góp, quản lý gìn giữ di sản cho ông H.

Ngoài ra, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác. Các bên đương sự đều xác định người để lại di sản không có nghĩa vụ tài chính đối với bất cứ ai.

Sau khi hòa giải khÔng Th.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 53/2019/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 14 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616 Điều 623, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 659, Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự.

Điều 5; Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 106; Điều 166; Điều 167; Khoản 01 Điều 179; Khoản 01 Điều 203 Luật đất đai. Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn M về yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

2. Xác định thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G là di sản của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê.

- Công nhận một phần bản di chúc ngày 01/4/2009 do ông Lê Văn G lập để lại tài sản là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

- Phân chia di sản của ông Lê Văn G theo di chúc, chia di sản của bà Nguyễn Thị Ê theo pháp luật (Có tính công sức đóng góp cho ông Lê Văn H và ông Lê Văn H1), cụ thể như sau:

** Chia bằng tiền, cụ thể:*

- Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B mỗi người được hưởng số tiền là 135.547.510đồng tương đương với giá trị 841,91m² đất trồng cây lâu năm được chia thừa kế và 41.847.000đồng, tương đương với trị giá của 10,5m² đất thổ cư được chia thừa kế. Tổng cộng là 177.421.510đồng.

- Bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, mỗi người được hưởng số tiền 115.119.830đồng tương đương với giá trị 715,03m² đất trồng cây lâu năm được phân chia và 37.088.400đồng tương đương với trị giá của 9,3m² đất thổ cư được chia thừa kế. Tổng cộng là 152.208.230đồng.

- Bà Lê Thị G được hưởng số tiền 250.665.730đồng tương đương với giá trị 1.556,93m² đất trồng cây lâu năm được phân chia và 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư được chia thừa kế. Tổng cộng là 329.628.130đồng.

- Ông Lê Văn H được hưởng số tiền 282.865.730đồng tương đương giá trị 1.756,93m² đất trồng cây lâu năm được phân chia (trong đó có tính công sức đóng góp là 200m² tương đương với số tiền là 32.200.000đồng) và 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư được chia thừa kế. Tổng cộng là 361.828.130đồng.

- Ông Lê Văn H được hưởng số tiền 266.765.730đồng tương đương với giá trị 1.656,93m² đất trồng cây lâu năm được phân chia (Trong đó có tính công sức đóng góp là 100m² tương đương với số tiền là 16.100.000đồng) và 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư được chia thừa kế. Tổng cộng là 345.728.130đồng.

** Chia bằng hiện vật và xác định vị trí đất, cụ thể:*

- Ông Lê Văn M được chia 841,91m² đất trồng cây lâu năm trị giá 135.547.510đồng, được xác định vị trí đánh số (1) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Hạnh và đất đồi; phía tây giáp đất ông Huỳnh Ngọc Tài; phía nam giáp đường đi; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Lê Thị H được chia 841,91m² đất trồng cây lâu năm trị giá 135.547.510đồng, được xác định vị trí đánh số (2) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Nguyệt; phía tây giáp đất chia cho ông Minh; phía nam giáp đất chia cho bà Nguyệt; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Lê Thị Ánh Ng được chia 841,91m² đất trồng cây lâu năm trị giá 135.547.510đồng, được xác định vị trí đánh số (3) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất được chia cho ông Hoàng; phía tây giáp đất chia cho bà Hạnh; phía nam giáp đường đi; phía bắc giáp đất đồi.

- Ông Lê Văn H được chia 841,91m² đất trồng cây lâu năm trị giá 135.547.510đồng, được xác định vị trí đánh số (4) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất được chia cho ông Bảy; phía tây giáp đất được chia cho bà Nguyệt; phía nam giáp đường đi; phía bắc giáp đất đồi.

- Ông Lê Văn B được chia 841,91m² đất trồng cây lâu năm trị giá 135.547.510đồng, được xác định vị trí đánh số (5) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Hải; phía tây giáp đất được chia cho ông Hoàng; phía nam giáp đường đi; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Đặng Thị Thu H được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm trị giá 115.119.830đồng, được xác định vị trí đánh số (6) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho ông Mai; phía tây giáp đất được chia cho ông Bảy; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất đồi.

- Ông Đặng Xuân M được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm trị giá 115.119.830đồng, được xác định vị trí đánh số (7) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Tư; phía tây giáp đất được chia cho ông Hải; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Đặng Thị Thu T được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm trị giá 115.119.830đồng, được xác định vị trí đánh số (8) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Năm; phía tây giáp đường đất; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Đặng Thị N được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm trị giá 115.119.830đồng, được xác định vị trí đánh số (9) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho bà Gái; phía tây giáp đất được chia cho bà Tư; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất đồi.

- Bà Lê Thị G được chia 1.556,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 250.665.730đồng, được xác định vị trí đánh số (10) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất chia cho ông H và ông H; phía tây giáp đất được chia cho bà Năm; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất đồi.

- Ông Lê Văn H được chia 1.756,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 282.865.730đồng, được xác định vị trí đánh số (11) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường đất; phía tây giáp đất được chia cho bà Gái; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp đất chia cho bà Gái và ông H.

- Ông Lê Văn H được chia 150m² đất thổ cư, trị giá 598.200.000đồng và 1.656,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 266.765.730đồng, được xác định vị trí đánh số (12) và có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường đất; phía tây giáp đất được chia cho bà Gái; phía nam giáp đường đất; phía tây giáp đất chia cho bà Gái và ông H.

- Ông Lê Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác số tiền tương đương với giá trị đất thổ cư mà các đồng thừa kế khác được hưởng. Cụ thể:

+ Hoàn lại cho Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng ông Lê Văn H, ông Lê Văn B mỗi người 41.874.000đồng tương đương với trị giá của 10,5m² đất thổ cư mà mỗi người được chia thừa kế.

+ Hoàn lại cho bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N mỗi người 37.088.400đồng tương đương với trị giá của 9,3m² đất thổ cư mà mỗi người được chia thừa kế.

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị G số tiền 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư mà bà Gái được chia thừa kế

+ Hoàn lại cho ông Lê Văn H số tiền 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư mà ông H được chia thừa kế.

- Buộc ông Lê Văn H và ông Lê Văn H phải giao lại đất mà mình đang quản lý sử dụng cho các đồng thừa kế theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo bản án có Trích đo chính lý địa chính thừa đất.

Đối với những cây trồng và công trình xây dựng có trên đất, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với căn nhà có trên đất nằm trên diện tích đất thổ cư đã chia cho ông H và căn nhà có trên đất nằm trên diện tích đất được chia cho ông H các đương sự không yêu cầu chia và đồng ý giao cho ông H và ông H tiếp tục sử dụng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí, quyền kháng cáo và luật thi hành án dân sự.

Ngày 06/12/2019, ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng thừa kế bà Đặng Thị Thu H, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N với nội dung tự nguyện tặng cho ông Lê Văn H toàn bộ phần được thừa kế gồm cả tiền và quyền sử dụng đất. Ông Đặng Xuân M tự nguyện cho ông Lê Văn H phần đất mình được thừa kế, chỉ nhận tiền. Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B thống nhất cùng sở hữu chung về quyền sử dụng đất được thừa kế chứ không tách thửa. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết với các nội dung: Xem xét tài sản có nguồn gốc của ông bà ngoại ông là cụ ông Nguyễn Văn C và cụ bà Nguyễn Thị N tạo lập, để lại cho mẹ của ông là bà Nguyễn Thị Ê và chồng trước của bà Ê là ông Đặng Văn Thành sử dụng; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G; Hủy bản di chúc do ông Lê Văn G lập ngày 01/4/2009; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P.

Xét kháng cáo của bị đơn hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc di sản: thửa đất số 41 tờ bản đồ số 29, nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32 diện tích 12.190,6m², tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

[1.1] Các đồng thừa kế thống nhất mối quan hệ huyết thống ông Lê Văn G, sinh năm 1931, mất năm 2015. Ông Lê Văn G và bà Lê Thị M (bà Mai đã mất năm 1972) chung sống với nhau có 05 người con, gồm: Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị Ánh Ng, Lê Văn H, Lê Văn B. Đến năm 1965 ông Lê Văn G chung sống với bà Nguyễn Thị Ê và sinh được 03 con chung: Lê Văn H, Lê Văn H, Lê Thị G. Trước khi chung sống với ông G, bà Nguyễn Thị Ê có chung sống với ông Đặng Xuân Th (Ông Th đã mất từ năm 1961) có 04 con chung là Đặng Thị Thu H, Đặng Xuân M, Đặng Thị Thu T, Đặng Thị N.

Bà Nguyễn Thị Ê mất năm 2004 không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà Ê gồm 08 người là ông Lê Văn G, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G, ông Lê Văn H.

Ông Lê Văn G mất năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông G gồm 08 người Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G. Ông G mất có lập di chúc để lại tài sản cho 8 người con kể tên trên, phần di sản của ông Lê Văn G được chia di chúc là Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, bà Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G.

[1.2] Tại phiên Tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G, ông Lê Văn H, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N và tại đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H cho rằng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà nguyên đơn Ông Lê Văn M yêu cầu chia thừa kế không phải là tài sản của ông Lê Văn G mà tài sản là quyền sử dụng đất này có nguồn gốc của ông bà ngoại của các ông bà là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N tạo lập, sau đó để lại phần đất trên cho bà Nguyễn Thị Ê và chồng trước của bà Ê là ông Đặng Xuân Th tranh chấp, vì vậy không đồng ý chia thừa kế thừa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G theo như di chúc lập ngày 01/4/2009 của ông Lê Văn G.

[1.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: đương sự ông Lê Văn H kháng cáo cho rằng di sản thừa kế có nguồn gốc đất của cụ ông Nguyễn Văn C và cụ bà Nguyễn Thị N tự tạo khai hoang có từ trước. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn H cung cấp thêm cho hội đồng xét xử phúc thẩm các đơn trình bày của những người làm chứng ở xung quanh nơi có đất đang phân chia di sản. Nội dung đơn trình bày của những người làm chứng chỉ thể hiện chung một nội dung xác nhận đất có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị N khai hoang, không có tài liệu nào khác của chính quyền địa phương về việc kê khai đăng ký sử dụng đất của bà N, hoặc tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của cụ ông Nguyễn Văn C, bà

Nguyễn Thị N tại vị trí thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn G.

Tại văn bản số 3020/UBND - TH ngày 25/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến trả lời: *Nguồn gốc của thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G có nguồn gốc là tài sản chung của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê khai hoang sử dụng từ năm 1972..* Những tài liệu chứng cứ về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có bản đồ đo đạc năm 2006, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Biên bản đo đạc địa chính thửa đất... thì thể hiện người đăng ký sử dụng đất là ông Lê Văn G khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1972. Quá trình quản lý sử dụng đất của ông Lê Văn G là trong thời kỳ ông G đang chung sống với bà Nguyễn Thị Ê nên tài sản trên thuộc di sản của ông bà và được phân chia theo quy định của pháp luật.

[1.4] Ông Lê Văn G được Ủy ban nhân dân thành phố P xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 là thời điểm sau khi bà Nguyễn Thị Ê chết nhưng vẫn xác định di sản trên có nguồn gốc là tài sản chung của ông Lê Văn G và Nguyễn Thị Ê. Cho nên Tòa án nhân dân thành phố P chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế và xác định di sản được phân chia là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6 m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G để phân chia thừa kế cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ xem xét kháng cáo của ông Lê Văn H về nguồn gốc đất của ông bà ngoại ông tự khai hoang.

[2] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

Tại văn bản số 3020/UBND - TH ngày 25/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Lê Văn G trong trường hợp này là không đúng vì năm 2004 bà Nguyễn Thị Ê chết phát sinh thừa kế ½ thửa đất và nhà.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông G không phải là tài sản riêng của ông G, hiện nay phát sinh thừa kế và xem xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đồng thừa kế khác đều

xác định di sản trên là di sản thừa kế chung của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê. Do các đồng thừa kế đều có yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nên Tòa án phân chia di sản bằng hiện vật là đất, theo quy định của pháp luật về đất đai, không ảnh hưởng quyền lợi các đồng thừa kế được nhận thừa kế sau phân chia. Hiện nay di sản là quyền sử dụng đất của vợ chồng đang phân chia nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Đối với bản di chúc do ông Lê Văn G lập ngày 01/4/2009, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Yêu cầu của nguyên đơn Ông Lê Văn M yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Văn G, trong nội dung di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản chung của ông G và bà Ê là diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G. Tòa án xác định di sản thừa kế là tài sản chung vợ chồng của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê nên việc ông Lê Văn G lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản chung vợ chồng là không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính pháp lý của di chúc cũng như yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất trên theo di chúc, chấp nhận một phần theo di chúc có hiệu lực đối với phần ông Lê Văn G được lập ngày 01/4/2009 tại Bệnh viện An Phước do công chứng viên Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận xác nhận, đối với phần di sản còn lại của bà Nguyễn Thị Ê chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[3.2] Việc phân chia thừa kế thể hiện chi tiết:

Phân chia thừa kế thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32 diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận là tài sản chung của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Toàn Cầu lập vào tháng 07/2019 thì giá đất thổ cư 3.988.000đồng/m² và giá cây lâu năm 161.000 đồng/m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 2.536.736.600đồng.

Do đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê nên thửa đất là di sản thừa kế được chia đôi. Phần của bà Nguyễn Thị Ê được phân chia là 6.020,3m² đất trồng cây lâu năm và 75m² đất thổ cư. Bà Ê chết năm 2004 không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của bà gồm 08 suất là ông Lê Văn G, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G, ông Lê Văn H. Do ông H, bà Gái cùng canh tác với cha là ông Lê Văn G trên thửa đất này và là di sản đang được phân chia. Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm các đương sự đều xác nhận ông H và ông H hiện nay đang sinh sống trên thửa đất này có công sức đóng góp trên đất, ông H là có 01 căn nhà trên đất và chịu trách

nhiệm thờ cúng ông bà. Ông H cũng cất nhà ở trên phần đất thổ cư. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Gái yêu cầu không tính công sức đóng góp cho bà mà đề nghị tính công sức quản lý, gìn giữ di sản đó cho ông H nên Tòa sơ thẩm chấp nhận tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông H và ông H. Các đương sự đều thống nhất, không có ý kiến về công sức đóng góp. Sau khi trừ công sức quản lý, gìn giữ di sản của bà Ê cho ông H là 200m² đất trồng cây lâu năm. Phần ông Lê Văn H là 100m² đất trồng cây lâu năm, phần tài sản của bà Ê còn lại là 5.720,3m² đất trồng cây lâu năm và 75m² đất thổ cư.

Phần di sản còn lại của bà Nguyễn Thị Ê được chia theo pháp luật như sau: Diện tích đất 5.720,3m² đất trồng cây lâu năm và 75m² đất thổ cư chia đều cho 08 suất là ông Lê Văn G, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G, ông Lê Văn H. Như vậy ông G, bà Hải, ông Mai, bà Tư, bà Năm, ông H, bà Gái, ông H mỗi người được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm và 9,3m² đất thổ cư.

Phần tài sản của ông Lê Văn G được phân chia với diện tích đất là: 6.020,3m² đất trồng cây lâu năm và 75m² đất thổ cư (được chia trong khối tài sản chung vợ chồng), cộng với phần hưởng thừa kế của bà Ê có diện tích 715,03m² đất trồng cây lâu năm và 9,3m² đất thổ cư. Như vậy di sản của ông G là 6.735,3m² đất trồng cây lâu năm và 84m² đất thổ cư.

Phần di sản của ông G được chia đều theo di chúc cho 8 người con của ông G và chia như sau: Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G mỗi người được chia diện tích đất là 841,91m² đất trồng cây lâu năm và 10,5m² đất thổ cư.

Do diện tích đất thổ cư nhỏ, nhiều đồng thừa kế nên không thể phân chia nhỏ diện tích đất thổ cư. Đồng thời cơ quan quản lý đất đai đã xác định phần đất thổ cư (150m²) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Lê Văn G tại vị trí hiện tại có căn nhà mà ông Lê Văn H đang sinh sống cho nên giao cho ông Lê Văn H quản lý sử dụng phần đất thổ cư có diện tích 150m² là phù hợp. Ông H có nghĩa vụ hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế khác tương đương với giá trị đất thổ cư mà họ được hưởng.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác số tiền tương đương với giá trị đất thổ cư mà các đồng thừa kế khác được hưởng. Cụ thể:

+ Hoàn lại cho Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B mỗi người số tiền 41.874.000đồng tương đương với trị giá của 10,5m² đất thổ cư mà mỗi người được chia thừa kế.

+ Hoàn lại cho bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N mỗi người số tiền 37.088.400đồng tương đương với trị giá của 9,3m² đất thổ cư mà mỗi người được chia thừa kế

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị G số tiền 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8m² đất thổ cư mà bà Gái được chia thừa kế

+ Hoàn lại cho ông Lê Văn H số tiền 78.962.400đồng tương đương với trị giá của 19,8 m² đất thổ cư mà ông H được chia thừa kế.

Cụ thể các kỹ phần thừa kế được phân chia như sau:

- Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B mỗi người được nhận 841,91m² đất trồng cây lâu năm được chia thừa kế (tương đương với giá trị 135.547.510đồng) và trị giá của 10,5m² đất thổ cư tương đương số tiền 41.874.000đồng. Tổng cộng là 177.421.510đồng.

- Bà Lê Thị G được nhận 1.556,93m² đất trồng cây lâu năm được phân chia (tương đương với giá trị 250.665.730đồng) và trị giá của 19,8m² đất thổ cư tương đương số tiền 78.962.400đồng. Tổng cộng là 329.628.130đồng.

- Ông Lê Văn H được nhận 1.756,93m² đất trồng cây lâu năm (tương đương giá trị 282.865.730đồng) và trị giá của 19,8m² đất thổ cư tương đương số tiền 78.962.400 đồng. Tổng cộng là 361.828.130đồng.

- Ông Lê Văn H được nhận 1.656,93m² đất trồng cây lâu năm (tương đương với giá trị 266.765.730đồng) và trị giá của 19,8m² đất thổ cư tương đương số tiền 78.962.400đồng. Tổng cộng là 345.728.130đồng.

- Bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, mỗi người được nhận 715,03m² đất trồng cây lâu năm số tiền (tương đương với giá trị 115.119.830đồng) và trị giá của 9,3m² đất thổ cư tương đương số tiền 37.088.400đồng. Tổng cộng là 152.208.230đồng.

[3.3] Đối với diện tích đất được phân chia cho các đồng thừa kế đều được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất là phù hợp, tuy nhiên diện tích các đồng thừa kế nhận nhỏ hơn diện tích tối thiểu được quy định tại Quyết định số 52/2018/QĐ- UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định về diện tích tách thửa. Tại văn bản số 2432/VPĐKĐĐ-ĐKCC ngày 30/10/2010 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận trả lời về diện tích tách thửa phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 52/2018/QĐ- UBND ngày 27/12/2018. Tại biên bản làm việc với các đương sự ngày 12/11/2020 các đồng thừa kế đều yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng và đồng ý phần diện tích đất được chia theo phần gộp chung lại 01 diện tích đồng sở hữu chung. Đất của Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, mỗi người được chia diện tích đất là 841,91m² đất trồng cây lâu năm, tổng cộng lại diện tích chung là 4.209,55m². Đất của bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, mỗi người được chia 715,03m² đất trồng cây lâu năm tổng cộng lại diện tích chung là 2.860,12m² đồng sở hữu chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng thừa kế Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B giữ nguyên yêu cầu phần diện tích đất

được chia theo phần gộp chung lại 01 diện tích đồng sở hữu chung như biên bản làm việc 12/11/2020. Riêng bà Đặng Thị Thu H, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N đều yêu cầu đối với tài sản được chia thừa kế hiện vật là đất và tiền (theo giá trị đất thổ cư) tặng cho kỹ phần thừa kế cho ông Lê Văn H. Đối với ông Đặng Xuân M đồng ý tặng cho phần di sản thừa kế bằng hiện vật là đất có diện tích 715,03m² cho ông Lê Văn H, còn tiền theo giá trị đất thổ cư tương đương số tiền theo bản án sơ thẩm là 37.088.400 đồng yêu cầu được nhận từ ông Lê Văn H. Ông Lê Văn H đồng ý nhận phần di sản của các đồng thừa kế giao.

Xét việc tự nguyện thỏa thuận về việc tặng cho của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc. Bà Đặng Thị Thu H, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N, ông Đặng Xuân M đều tự nguyện giao kỹ phần thừa kế được hưởng tặng cho ông Lê Văn H, việc tặng cho không trái đạo đức, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận việc thỏa thuận của các đương sự.

[3.4] Xét thấy yêu cầu của các đồng thừa kế về việc sở hữu chung phần diện tích được chia phần thừa kế là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia phần thừa kế đồng sở hữu chung phần diện tích được phân chia theo kỹ phần thừa kế.

Cụ thể chia bằng hiện vật và vị trí như sau:

- Phần đất đồng sở hữu chung của Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B có diện tích là 4.209,55m² (được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 05 trên sơ đồ phân chia). Vị trí đất tứ cận: Phía Đông giáp đất chia (bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N tặng cho Lê Văn H); Phía Tây giáp đất của Huỳnh Ngọc Tài; Phía Nam giáp đất đường đi; Phía Bắc giáp đất đồi.

- Phần đất của bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N có diện tích là 2.860,12m² (được đánh số thứ tự từ số 06 đến số 09 sơ đồ phân chia) được tặng cho ông Lê Văn H. Vị trí đất tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Lê Thị G; Phía Tây giáp đất của 05 đồng sở hữu chung của Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B; Phía Nam giáp đất đường đi; Phía Bắc giáp đất đồi.

[3.5] Đối với những cây trồng và công trình xây dựng có trên đất, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết và căn nhà có trên đất nằm trên diện tích đất thổ cư đã chia cho ông Lê Văn H và căn nhà nằm trên diện tích đất được chia cho ông Lê Văn H, các đương sự không yêu cầu chia và đồng ý giao cho ông H và ông H tiếp tục sử dụng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xét là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H. Do phần diện tích đất được các đồng thừa kế thỏa thuận đồng sở hữu chung và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm

sửa bản án phần diện tích được phân chia cho các đồng thừa kế, chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

[4.1] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Các đồng thừa kế Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N được chia thừa kế phải chịu các chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo phần di sản thừa kế được hưởng.

Ông Lê Văn H được nhận phần di sản thừa kế của các đồng thừa kế bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N nên ông H phải chịu các chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị nhận.

Chi phí tố tụng tổng cộng 16.607.000đồng, các đồng thừa kế mỗi người phải chịu 1.383.916đồng tiền chi phí tố tụng. Ông Lê Văn M đã tạm ứng chi phí tố tụng nên mỗi đồng thừa kế phải hoàn lại số tiền 1.383.916đồng cho Ông Lê Văn M. Do ông Lê Văn H nhận phần di sản của bà Hải, ông Mai, bà Năm, bà Tư nên ông H phải chịu phần chi phí tố tụng của bà Hải, ông Mai, bà Năm, bà Tư.

Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản được hưởng.

Ông Lê Văn H được nhận kỷ phần thừa kế (*phần giá trị đất trồng cây lâu năm*) của ông Mai và toàn bộ phần kỷ phần thừa kế của bà Hải, bà Năm, bà Tư nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của phần thừa kế được tặng cho.

Ông Đặng Xuân M phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần di sản (đất thổ cư) được chia bằng giá trị tiền.

Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Đặng Xuân M có đơn xin miễn nộp tiền án phí và thuộc trường hợp được miễn tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ, phí tòa án. Do đó, miễn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Đặng Xuân M.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Áp dụng: Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 14 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616 Điều 623, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 659, Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự.

Các Điều 5; Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 106; Điều 166; Điều 167; Khoản 01 Điều 179; Khoản 01 Điều 203 Luật đất đai. Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Điểm d Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn M về yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

2. Xác định thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), có diện tích 12.190,6m² tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G là di sản của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị Ê.

- Công nhận một phần bản di chúc được công chứng chứng thực ngày 01/4/2009 do ông Lê Văn G lập để lại tài sản là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 29 (Nay là thửa số 8, tờ bản đồ số 32), diện tích 12.190,6m², trong đó có 150m² đất thổ cư và 12.040,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn T, xã Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 372925 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông Lê Văn G.

- Phân chia di sản của ông Lê Văn G theo di chúc, chia di sản của bà Nguyễn Thị Ê theo pháp luật (Có tính công sức đóng góp cho ông Lê Văn H và ông Lê Văn H), cụ thể như sau:

Chia bằng hiện vật và xác định vị trí đất như sau:

+ Phần đất đồng sở hữu chung của Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B có diện tích là 4.209,55m² (được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 05 trong bản sơ đồ phân chia). Vị trí đất tứ cận: Phía Đông giáp đất chia đồng sở hữu chung (bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N); Phía Tây giáp đất của Huỳnh Ngọc Tài; Phía Nam giáp đất đường đi; Phía Bắc giáp đất đồi.

Công nhận tự nguyện thỏa thuận của các đương sự bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N với ông Lê Văn H:

+ Phần đất có diện tích là 2.860,12m² (được đánh số thứ tự từ số 06 đến số 09 trong bản sơ đồ phân chia) của bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N được tặng cho ông Lê Văn H. Vị trí đất tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Lê Thị G; Phía Tây giáp đất của 05 đồng sở hữu chung của Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Văn H, ông Lê Văn B; Phía Nam giáp đất đường đi; Phía Bắc giáp đất đồi.

+ Bà Lê Thị G được chia 1.556,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 250.665.730đồng, được xác định vị trí đánh số (10) và có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất chia cho ông Lê Văn H và ông Lê Văn H; Phía Tây giáp đất được chia cho bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Xuân M, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N tặng cho ông Lê Văn H; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất đồi.

+ Ông Lê Văn H được chia 1.756,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 282.865.730đồng, được xác định vị trí đánh số (11) và có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đất; Phía Tây giáp đất được chia cho bà Lê Thị G; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất chia cho bà Lê Thị G và ông Lê Văn H.

+ Ông Lê Văn H được chia 150m² đất thổ cư, trị giá 598.200.000đồng và 1.656,93m² đất trồng cây lâu năm trị giá 266.765.730đồng, được xác định vị trí đánh số (12) và có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Lê Văn H; Phía Tây giáp đất được chia cho bà Lê Thị G; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đất đồi.

Buộc ông Lê Văn H và ông Lê Văn H phải giao lại phần diện tích đất mà mình đang quản lý sử dụng cho các đồng thừa kế theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo bản án có sơ đồ phân chia thừa kế theo bản án của Tòa án).

Chia bằng tiền:

- Ông Lê Văn H có nghĩa vụ hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế theo giá trị đất thổ cư mà các đồng thừa kế được hưởng. Cụ thể như sau:

+ Hoàn lại cho Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng ông Lê Văn H, ông Lê Văn B mỗi người số tiền 41.874.000đồng.

+ Hoàn lại cho ông Lê Văn H số tiền 111.265.200đồng (*trị giá của 9,3m² đất thổ cư mà các bà Đặng Thị Thu H, bà Đặng Thị Thu T, bà Đặng Thị N mỗi người tương đương 37.088.400 đồng được tặng cho phần chia thừa kế cho ông Lê Văn H*).

+ Hoàn lại cho ông Đặng Xuân M số tiền 37.088.400đồng.

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị G số tiền 78.962.400đồng.

+ Hoàn lại cho ông Lê Văn H số tiền 78.962.400đồng.

- Về chi phí tố tụng:

+ Bà Lê Thị Ánh Ng, bà Lê Thị H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H, bà Lê Thị G mỗi người phải hoàn lại cho Ông Lê Văn M số tiền 1.383.916 đồng chi phí tố tụng.

+ Ông Lê Văn H phải hoàn lại cho Ông Lê Văn M số tiền 6.919.580đồng chi phí tố tụng.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Đặng Xuân M được miễn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn H phải chịu 40.007.000đồng, ông Lê Văn H phải chịu 17.286.000đồng, bà Lê Thị G phải chịu 16.481.000đồng, ông Lê Văn H phải chịu 8.870.000đồng, ông Lê Văn B phải chịu 8.870.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả lại số tiền 300.000đồng cho ông Lê Văn H theo biên lai thu tiền số 0005219 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải hoàn trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật, thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/11/2020).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND Tp. P;
- THADS Tp. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái